



ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4103000385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 04 năm 2001, số thay đổi là 0302290400 thay đổi lần thứ 10 ngày 25 tháng 02 năm 2010)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 694/UBCK-GCN do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 09 năm 2010)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

Địa chỉ: KE A2/7 Tân Kiên – Bình Lợi, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.HCM

Điện thoại: (84.8) 38 770 062 – 38 770 755 Fax: (84.8) 38 770 093

Website: www.huulienasia.com.vn

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN (SACOMBANK-SBS)

Trụ sở chính: 278 Nam Kỳ khởi Nghĩa, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 62686868 Fax: (84.8) 62 555957

Website: www.sbsc.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Lê Anh Hải

Số điện thoại: (84.8) 38 770 062

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát – Trưởng Phòng Nghiên cứu



CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4103000385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 04 năm 2001, số thay đổi là 0302290400 thay đổi lần thứ 10 ngày 25 tháng 02 năm 2010)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phần
Giá bán	: Bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 với giá 12.000 đồng/cổ phần Bán 1.600.000 cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên và người lao động với giá 10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng phát hành	: 34.400.000 cổ phần
Tổng giá trị phát hành	: 344.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ERNST & YOUNG VIETNAM

Trụ sở chính : Tầng 8, 2A-4A Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (84-8) 38 245252 Fax : (84-8) 38245250
Web : www.ey.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

Trụ sở chính : 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-8) 62 686868 Fax : (84-8) 62 555957
Web : www.sbsc.com.vn

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1.	Rủi ro về kinh tế	6
2.	Rủi ro về luật pháp	6
3.	Rủi ro đặc thù	7
4.	Rủi ro của dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	7
5.	Rủi ro của đợt chào bán và loãng giá cổ phiếu	7
6.	Rủi ro khác	8
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	9
1.	Tổ chức chào bán	9
2.	Tổ chức tư vấn	9
III.	CÁC KHÁI NIỆM	10
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN	11
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	11
2.	Cơ cấu tổ chức Công ty	13
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	13
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty	17
5.	Cơ cấu cổ đông của Công ty	17
6.	Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức đăng ký phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền chi phối với tổ chức phát hành	17
7.	Hoạt động kinh doanh	18
7.1	<i>Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty</i>	18
7.1.1	<i>Ống thép đen</i>	19
7.1.2	<i>Ống Inox:</i>	19
7.1.3	<i>Xà gỗ thép:</i>	20
7.1.4	<i>Hoạt động thương mại</i>	20
7.1.5	<i>Sản phẩm và dịch vụ khác</i>	20
7.2	<i>Sản lượng sản phẩm, dịch vụ qua các năm</i>	20
7.3	<i>Nguyên vật liệu</i>	22
7.3.1	<i>Nguồn nguyên vật liệu</i>	22
7.4	<i>Chi phí sản xuất:</i>	22
7.5	<i>Trình độ công nghệ</i>	24

7.6	Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	27
7.7	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ	28
7.8	Hoạt động Marketing	28
7.9	Nhãn hiệu thương mại	29
7.10	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	29
	Nguồn: Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu	29
	Nguồn: Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu	30
8.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	30
8.1	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008, 2009, và 6 tháng đầu năm 2010	30
8.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo	30
9.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	31
9.1	Vị thế của Công ty trong ngành	31
9.2	Triển vọng phát triển của ngành	32
9.3	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của nhà nước, và xu thế chung của thế giới:	34
10.	Chính sách đối với người lao động	34
10.1	Số lượng người lao động trong Công ty:.....	34
10.2	Chính sách đào tạo	35
10.3	Chế độ tiền lương.....	35
10.4	Chế độ nghỉ phép, lễ, tết:.....	36
10.5	Bảo hiểm và phúc lợi:.....	36
10.6	Tổ chức công đoàn:.....	36
11.	Chính sách cổ tức.....	36
12.	Tình hình hoạt động tài chính	36
12.1	Các chỉ tiêu cơ bản.....	36
12.1.1	Trích khấu hao tài sản cố định	37
12.1.2	Tài sản cố định thuê tài chính.....	37
12.1.3	Mức lương bình quân	37
12.1.4	Thanh toán các khoản nợ đến hạn	37
12.1.5	Các khoản phải nộp theo luật định	38
12.1.6	Trích lập các quỹ theo luật định	38
12.1.7	Tổng dư nợ vay.....	38
12.1.8	Tình hình công nợ hiện nay	39



12.1.9	Các khoản phải trả.....	39
13.	Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	41
13.1	Hội đồng quản trị.....	41
13.2	Ban Tổng Giám đốc.....	46
13.3	Ban kiểm soát.....	48
13.4	Kế toán trưởng.....	51
14.	Tài sản.....	53
15.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong 2010 - 2012.....	53
16.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	54
17.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký chào bán.....	55
18.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán chào bán.....	55
V.	CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	56
VI.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	58
VII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VỐN.....	59
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN.....	60
IX.	PHỤ LỤC.....	61

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro kinh tế là tác động của những yếu tố vĩ mô như: tốc độ tăng trưởng kinh tế, tỷ giá hối đoái, lãi suất, lạm phát... Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế nói chung và ngành công nghiệp xây dựng nói riêng tác động tích cực đến môi trường kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành sản xuất và kinh doanh thép. HLA là một Công ty chuyên sản xuất các sản phẩm thép phục vụ trong ngành công nghiệp xây dựng và cơ khí dân dụng, chế tạo máy nên triển vọng phát triển lạc quan của nền kinh tế trong những năm tới mang lại nhiều tiềm năng, cơ hội kinh doanh và sẽ là nhân tố thuận lợi cho Công ty tăng cường đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2009 đã có nhiều tác động tích cực đối với nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt nam nói riêng, kinh tế nhiều nước đã có dấu hiệu phục hồi và đã có dấu hiệu tăng trưởng trở lại, tuy nhiên tình trạng suy giảm ở nhiều ngành công nghiệp sử dụng thép lớn như ô tô đóng tàu, công nghệ điện tử... vẫn chưa được khắc phục nên vẫn còn một lượng thép tồn kho rất lớn ở các nước xuất khẩu thép lớn. Tuy vậy ngành thép của Việt Nam trong năm 2009 là ngành được hưởng lợi trực tiếp từ gói kích cầu của chính phủ cộng với việc giá thép thế giới tăng mạnh vào khoảng giữa năm nên hầu hết các doanh nghiệp sản xuất thép đều đạt kết quả hoạt động kinh doanh khả quan vào cuối năm.

Trong thời gian tới, kinh tế Việt Nam được dự báo vẫn tiếp tục tăng trưởng, lạm phát mặc dù gia tăng nhưng vẫn trong tầm kiểm soát. Bên cạnh đó, Công ty có kế hoạch sản xuất và nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào hợp lý, gắn kết với biến động của thị trường nên giảm thiểu được sự ảnh hưởng của lạm phát đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng và chi phối bởi luật doanh nghiệp, các quy định về thuế xuất nhập khẩu các quy định nhà nước trong lĩnh vực xây dựng và nhiều văn bản khác. Hệ thống văn bản vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, còn nhiều mặt hạn chế như: Hệ thống pháp luật Việt Nam còn chưa đồng bộ và nhất quán, các văn bản hướng dẫn chưa đầy đủ, thiếu tính cập nhật và còn chông chéo, việc áp dụng pháp luật vào thực tế còn nhiều bất cập, tính thực thi chưa cao. Do vậy, nếu có sự thay đổi nào trong các quy định của những văn bản pháp luật trên sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Liên quan đến giá cổ phiếu, Công ty chịu ảnh hưởng bởi các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Hệ thống luật của Việt Nam hiện nay trong lĩnh vực chứng khoán còn chưa chặt chẽ nên rủi ro pháp lý liên quan đến giá cổ phiếu là rủi ro hệ thống. Tuy nhiên, Chính phủ luôn muốn duy trì phát triển ổn định trên thị trường chứng khoán nên rất thận trọng trong việc đưa ra các quy định về thị trường chứng khoán. Vì vậy, nhìn chung, khả năng rủi ro về luật pháp ở mức giới hạn và không nghiêm trọng.

3. Rủi ro đặc thù

Phần lớn sản phẩm của Công ty được sản xuất dựa vào nguyên vật liệu nhập khẩu từ nước ngoài. Chính vì vậy, khi giá nguyên vật liệu nhập khẩu bị biến động mạnh thì có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp nên có những rủi ro về tai nạn lao động, tai nạn nghề nghiệp, rủi ro cháy nổ. Nhằm hạn chế tối thiểu những rủi ro này, Công ty luôn quan tâm và có các biện pháp an toàn bảo hộ lao động cho công nhân, cũng như những quy định nghiêm ngặt về phòng chống cháy nổ. Và để hạn chế thiệt hại từ những rủi ro trên, Công ty đã thực hiện việc mua bảo hiểm lao động cho công nhân và bảo hiểm tài sản của Công ty.

4. Rủi ro của dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được đầu tư và dự án xây dựng Trung Tâm Thương Mại Căn Hộ Tân Tạo, một công trình phức hợp, bao gồm các diện tích công năng : Trung tâm dịch vụ thương mại; văn phòng cho thuê ; cao ốc chung cư cao cấp. Với chiến lược trở thành một thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh thép và đầu tư kinh doanh bất động sản, dự án này trở nên vô cùng thiết yếu cho sự phát triển lâu dài của Công ty Cổ Phần Hữu Liên Á Châu. Tuy nhiên đặc thù của ngành kinh doanh bất động sản và xây dựng là những rủi ro liên quan đến tiến độ thực hiện dự án. Tiến độ thực hiện dự án bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố: tiến độ giải ngân vốn, giải quyết pháp lý và thời gian xây dựng công trình, hoàn tất hồ sơ thi công. Bên cạnh đó, giá cả các yếu tố đầu vào của ngành xây dựng, đặc biệt là giá vật liệu xây dựng đang ở mức cao và còn có xu hướng tăng làm ảnh hưởng đến chi phí của công ty dẫn đến tăng giá vốn của dự án xây dựng. Đối với HLA, Công ty có mối quan hệ chặt chẽ và khăng khít với các nhà thầu lớn, các nhà đầu tư có uy tín sẵn sàng chia sẻ khó khăn với Công ty. Ngoài ra Công chuẩn bị các chiến lược marketing linh hoạt để tiêu thụ các sản phẩm của mình nên sẽ hạn chế đáng kể rủi ro trên.

5. Rủi ro của đợt chào bán và loãng giá cổ phiếu

Đợt phát hành năm 2010 bao gồm: chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 và chào bán 1.600.000 cổ phần cho cán bộ công nhân viên, người lao động theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 27/04/2010. Tổng khối lượng chào bán là 34.400.000 cổ phần chiếm 104,87% tổng số cổ phần đang lưu hành, vì vậy việc Công ty không thực hiện thành công việc chào bán hoàn toàn có thể xảy ra.

Ngoài ra, một rủi ro khác của đợt phát hành là giá cổ phiếu bị pha loãng sau khi phát hành. Với mức giá tham khảo là giá đóng cửa của phiên giao dịch ngày 30/07/2010, giá mỗi cổ phiếu HLA là 19.200 đồng/cổ phiếu. Khi Hữu Liên Á Châu phát hành thêm cổ phiếu, giá trị mỗi cổ phiếu sẽ được điều chỉnh như sau:



$$P = \frac{19.200 + (4,87\% \cdot 10.000) + (100\% \cdot 12.000)}{1 + 1 + 0,0487} = 15.467 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Như vậy, giá cổ phiếu sau khi bị pha loãng sẽ giảm khoảng 19.44% so mức ban đầu. Tuy nhiên, rủi ro từ việc pha loãng giá cổ phiếu sẽ được hạn chế tốt nếu Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được từ đợt phát hành và tình hình quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt được kết quả khả quan sau khi phát hành.

6. Rủi ro khác

Các rủi ro khác là hiếm xảy ra, mang tính bất thường, ngoài tầm kiểm soát của Công ty, như: Chiến tranh, hỏa hoạn, động đất ... Đây là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình hoạt động của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức chào bán

Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

Đại diện:

- | | |
|----------------------------|-------------------------------------|
| - Ông Trần Xảo Cơ | Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| - Ông Trần Tuấn Nghiệp | Chức vụ: Tổng Giám đốc |
| - Bà Nguyễn Thị Thanh Loan | Chức vụ: Kế toán trưởng |
| - Ông Khuru Kim Hòa | Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được thông tin, hoặc đã điều tra và thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín

Đại diện:

- | | |
|---------------------|-------------------------------------|
| - Ông Nguyễn Hồ Nam | Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị |
|---------------------|-------------------------------------|

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ chào bán cổ phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (SBS) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty	Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu
Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu
Hữu Liên Á Châu	Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu
HLA	Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu
Tổ chức tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín
Sacombank-SBS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín
Cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu
Điều lệ	Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu
HDQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban kiểm soát
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
GCNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
UBCKNN	Ủy ban chứng khoán nhà nước
CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
KCS	Kiểm tra chất lượng sản phẩm
BCTC	Báo cáo tài chính

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty CP Hữu Liên Á Châu được thành lập ngày 20 tháng 01 năm 2001 theo Giấy CNĐKKD số 4103000385 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh với vốn điều lệ là 5 tỷ đồng do 9 cổ đông sáng lập. Năm 2002, vốn đăng ký tăng lên 30 tỷ đồng. Năm 2003, Công ty nâng mức vốn lên 60 tỷ đồng. Đến năm 2004, vốn điều lệ Công ty đã đạt mức 100 tỷ đồng và năm 2006, để đáp ứng nhu cầu thị trường và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, vốn điều lệ Công ty được nâng lên đến 140 tỷ đồng.

Năm 2007 là năm Công ty có nhiều sự kiện quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty tiếp tục mở rộng các hoạt động kinh doanh. Công ty đã ký kết hợp tác chiến lược với 5 nhà đầu tư chiến lược là các Công ty địa ốc, Ngân hàng và Công ty tài chính với tổng số vốn tăng thêm 50 tỷ đồng nhằm đầu tư cho Dự án dây chuyền cán ủ mới nhằm chủ động hơn trong vấn đề nguyên vật liệu. Công ty cũng đã mở rộng hoạt động sản xuất – kinh doanh sang một số lĩnh vực mới như: Kinh doanh bất động sản, đầu tư tài chính. Ngoài ra, để sản xuất thêm các sản phẩm từ thép và inox, Công ty đã thành lập Công ty CP Minh Hữu Liên với vốn góp ban đầu là 61,54% tổng vốn điều lệ.

Về hoạt động kinh doanh và phân phối sản phẩm, Công ty có hệ thống đại lý rộng khắp cả nước, sản phẩm của Công ty đã được tin nhiệm tại thị trường trong nước, đồng thời đã xuất khẩu sang các nước khu vực Đông Nam Á. Như: Myanma, Lào, Thái Lan, Australia, Singapore.

Các cột mốc chính trong quá trình hình thành và phát triển của Hữu Liên Á Châu:

Năm 1978, thương hiệu Hữu Liên chính thức có mặt trên thị trường với mô hình hoạt động của một cơ sở sản xuất các loại phụ tùng xe đạp, xe máy;

Ngày 04/04/1992, Xí nghiệp Tự doanh Hữu Liên lấy tên doanh nghiệp Tư nhân Hữu Liên, đồng thời mở rộng phạm vi kinh doanh sang các lĩnh vực sản xuất sản phẩm cơ khí tiêu dùng, cán kéo kim loại, sản xuất ống thép các loại;

Ngày 20/04/2001, Hữu Liên Á Châu chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần;

Ngày 16/06/2003, Công ty đã xây dựng thành công hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000, giấy chứng nhận số HT 508.03.17 do QUACER cấp.

Ngày 30/10/2008, cổ phiếu của Công ty, với mã chứng khoán là HLA, được chính thức chào bán trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Ngày 27/01/2010, Công ty phát hành cổ phiếu thưởng và chào bán 10 triệu cổ phiếu cho cổ đông chiến lược, tăng vốn điều lệ lên 328.000.000.000 đồng.

1.2 Giới thiệu về Công ty

Tên Công ty	: Công ty Cổ Phần Hữu Liên Á Châu	
Tên giao dịch quốc tế	: Huu Lien Asia Corporation	
Trụ sở chính	: KE A2/7 Tân Kiên - Bình Lợi, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.HCM.	
Văn phòng giao dịch	: R1/49 KP Hưng Phước 4, PMH, Đường Bùi Bằng Đoàn, P. Tân Phong, Quận 7, Tp.HCM	
Điện thoại	: (84.8) 38 770 062 – 8 770 755	Fax: (84.8) 38 770 093
Website	: www.huulienasia.com.vn	
Mã số thuế	: 0302290400	



Vốn điều lệ (31/03/2010): 328.000.000.000 (Ba trăm hai mươi tám tỷ đồng)

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ Phần Hữu Liên Á Châu theo Giấy CNĐKKD như sau:

- Sản xuất sản phẩm cơ khí;
- Cán kéo kim loại;
- Mua bán máy móc thiết bị phục vụ sản xuất xây dựng, nguyên vật liệu, hoá chất (trừ những hoá chất có tính độc hại mạnh), hạt nhựa phân bón, hàng điện, điện tử gia dụng, bách hoá, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất;
- Đại lý ký gửi hàng hoá;
- Dịch vụ thương mại;
- Kinh doanh bất động sản.

Công ty chuyên sản xuất và kinh doanh các loại ống thép, ống inox, xà gồ, sắt V, xích thép các loại sử dụng trong lĩnh vực xây dựng và trang trí nội thất. Đặc biệt là hàng Inox chất lượng cao, là mặt hàng đầu tiên tại Việt Nam được Công ty đưa vào sản xuất theo qui mô công nghiệp với công nghệ hiện đại của nước ngoài, đảm bảo đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật và thẩm mỹ, được người tiêu dùng đánh giá cao.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty cổ phần Hữu Liên Á Châu được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005.

Hiện nay HLA có 2 Công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Hữu Liên với vốn góp của Công ty chiếm 80% trên tổng vốn điều lệ và Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thép hữu Liên với 100% vốn góp. Ngoài ra HLA còn đầu tư vào Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên với tỷ lệ góp vốn chiếm 43,64% trên tổng vốn điều lệ.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền hạn sau:

- § Thông qua bổ sung, sửa đổi Điều lệ;
- § Thông qua định hướng phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát, của Hội đồng quản trị và của các kiểm toán viên;
- § Quyết định mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần;
- § Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- § Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- § Các quyền khác được quy định tại Điều lệ;

Hội đồng quản trị

- § Hội đồng quản trị thực hiện chức năng quản lý, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính của Công ty;
- § Nhận vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do Đại hội đồng cổ đông giao;
- § Trình Đại hội đồng cổ đông xét duyệt các phương án góp vốn, mua cổ phần, liên doanh, hợp doanh với các chủ đầu tư trong và ngoài nước...;
- § Quyết định phương án huy động vốn phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng không làm thay đổi hình thức sở hữu của Công ty;
- § Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm để duyệt quyết toán tài chính của Công ty, đồng thời thực hiện công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định; thông qua, duyệt kế hoạch tài chính dài hạn và kế hoạch tài chính hàng năm của Công ty do Tổng Giám đốc trình;
- § Kiểm tra, giám sát Giám đốc Công ty thành viên trong việc sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, tổ chức thực hiện sản xuất, kinh doanh theo kế hoạch, phương án đã được Hội đồng quản trị phê duyệt;

- § Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo kết quả sản xuất, kinh doanh của Công ty;
- § Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát: Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền hạn và trách nhiệm sau:

- § Tham mưu cho Hội đồng quản trị về việc chỉ định Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập; thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- § Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- § Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại được phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- § Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
- § Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Ban Tổng Giám đốc: Bao gồm Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Giám đốc kinh doanh và Giám đốc sản xuất – kỹ thuật.

Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông về quản lý và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có Giám đốc Kinh doanh, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Sản xuất - Kỹ thuật.

Phòng kinh doanh

Nhận đơn hàng; Bán hàng; Nhận thông tin phản hồi từ khách hàng; Giải quyết các khiếu nại, đàm phán với khách hàng.

Phòng hành chính

Giải quyết các vấn đề về nhân sự; phụ trách lương, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội cho công nhân viên Công ty.

Phòng quản lý chất lượng

Theo dõi và quản lý chất lượng của nguyên vật liệu, vật tư, thành phẩm; kiểm tra chất lượng lượng sản phẩm từ khâu mua vật tư đến khâu nhập kho thành phẩm; đảm bảo hàng hoá, sản phẩm, nguyên vật liệu đáp ứng đủ chất lượng; trên cơ sở đó cấp giấy chứng nhận chất lượng

cho sản phẩm khi xuất xưởng.

Kho thành phẩm

Lưu giữ và bảo quản thành phẩm.

Kho vật tư

Lưu giữ và bảo quản nguyên vật liệu.

Phân xưởng sản xuất

Thực hiện sản xuất theo kế hoạch các loại sản phẩm.

Phòng kế toán

Các công việc liên quan đến kế toán; thực hiện các chức năng quản lý tài chính kế toán theo qui định; thiết lập và lưu giữ hồ sơ; cung cấp số liệu cho các bộ phận và các cơ quan chức năng

Phòng thống kê

Thống kê số liệu để cung cấp dữ liệu cho Phòng kế hoạch lập kế hoạch.

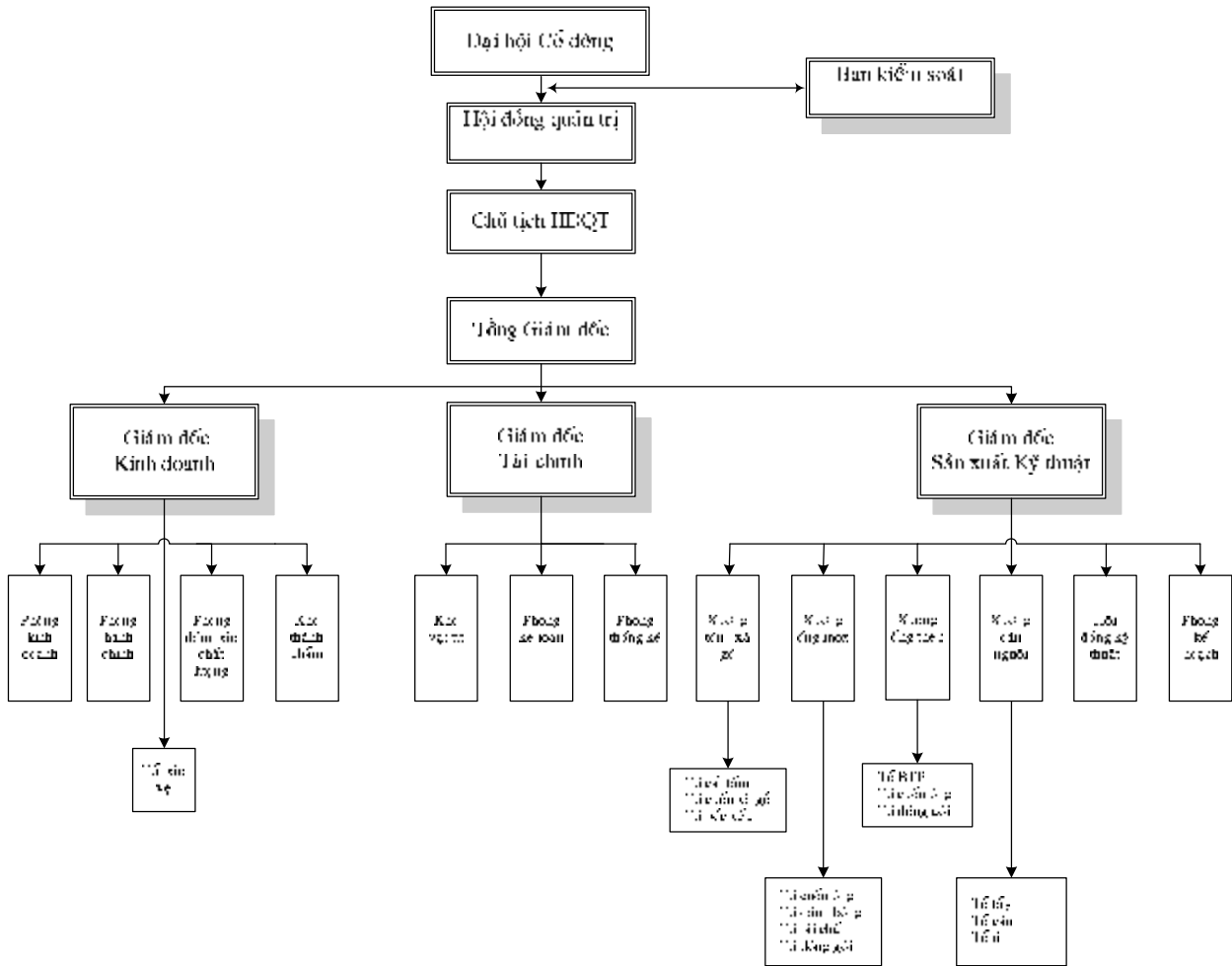
Phòng kế hoạch

Lập kế hoạch sản xuất và bổ sung những đơn hàng mới; theo dõi tình hình nguyên liệu để kịp thời điều chỉnh kế hoạch sản xuất theo tình hình thực tế; theo dõi và xúc tiến công tác bảo trì, sửa chữa tại đơn vị phụ trách; giải quyết các sự cố trong đơn vị; hướng dẫn thực hiện quy trình sản xuất để đảm bảo chế độ an toàn lao động, phòng chống cháy nổ; hướng dẫn công việc, thủ tục và kế hoạch kiểm soát chất lượng.

Hội đồng kỹ thuật

Giám sát tình hình thực hiện công tác bảo trì tại các phân xưởng sản xuất, tổ sửa chữa; Điều phối và giám sát công tác sửa chữa; tổng hợp kế hoạch sửa chữa lớn, lắp đặt và nghiệm thu thiết bị trước khi đưa vào sản xuất; quản lý công tác bảo trì sửa chữa do bên ngoài thực hiện; lập kế hoạch bảo trì máy móc đúng định kỳ; lưu trữ các tài liệu kỹ thuật của Công ty; bảo quản các dụng cụ, thiết bị được giao.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY





4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.

Bảng: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ Công ty (tính đến ngày 16/03/2010)

STT	Họ tên	Địa chỉ	Số vốn, VNĐ	Tỷ lệ (%)
1	Trần Xảo Cơ	331 Trần Hưng Đạo, P.10, Quận 5, TP.HCM	6.000.000.000	18,29
	Tổng cộng		6.000.000.000	18,29

Nguồn: Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

5. Cơ cấu cổ đông của Công ty.

Bảng: Cơ cấu cổ đông (tính đến ngày 16/03/2010)

STT	Cơ cấu Cổ đông	Số lượng CP nắm giữ	100%
I.	Tổ chức	4.989.490	15,21%
1.	Trong nước	4.788.354	14,60%
2.	Ngoài nước	201.136	0,61%
II.	Cá nhân	27.810.510	84,79%
1.	Trong nước	27.553.968	84,01%
2.	Ngoài nước	256.542	0,78%
	Tổng cộng	32.800.000	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

6. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức đăng ký phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền chi phối với tổ chức phát hành

- Danh sách Công ty mẹ của tổ chức chào bán: Không có

- Danh sách Công ty con của tổ chức chào bán:



Công ty Cổ phần Đầu tư Hữu Liên

- § Ngày thành lập : 15/07/2008
- § Đại diện theo pháp luật : Lương Tuấn Kiệt
- § Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0305859332 cấp ngày 15/07/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 09/03/2010
- § Ngành nghề sản xuất kinh doanh : Buôn bán máy móc, thiết bị sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải. Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng. Buôn bán đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện. Đại lý bán hàng hương hoa hồng. Kinh doanh bất động sản. Môi giới bất động sản. Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản. Bỏ sung: Xây dựng nhà các loại. Vận tải hàng hoá bằng ô tô (trừ ô tô chuyên dụng).
- § Vốn điều lệ : 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng)
- § Tỷ lệ góp vốn của HLA: 80% vốn điều lệ, tương đương 24.000.000.000 đồng (Hai mươi bốn tỷ đồng)

Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên

- § Ngày thành lập: 19/08/2009
- § Trụ sở chính: Lô B15 – B21 Khu công nghiệp Bắc An Thạnh, đường tỉnh 830, xã An Thạnh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
- § Đại diện theo pháp luật: Bùi Quang Hiệp
- § Giấy chứng nhận ĐKKD số: 1101117327 cấp ngày 19/08/2009
- § Ngành nghề sản xuất kinh doanh: Sản xuất sản phẩm cơ khí, cán kéo kim loại; Mua bán: máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, xây dựng, nguyên vật liệu, hoá chất (trừ hoá chất có tính độc hại mạnh), hạt nhựa phân bón, hàng điện, điện tử gia dụng, bách hoá, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất; Đại lý ký gửi hàng hoá, dịch vụ thương mại, kinh doanh bất động sản
- § Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng)
- § Tỷ lệ góp vốn của HLA : 100% vốn điều lệ

7. Hoạt động kinh doanh

7.1 Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm ống thép, ống inox, xà gỗ, ... Sử dụng trong lĩnh vực xây dựng và trang trí nội thất. Đặc biệt, mặt hàng Inox chất lượng cao, đây là mặt hàng lần đầu tiên tại Việt Nam được Công ty đưa vào sản xuất theo qui mô công nghiệp với công nghệ hiện đại của nước ngoài, đảm bảo đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật và thẩm mỹ, được người tiêu dùng đánh giá cao. Các nhóm chủng loại sản phẩm chính của Công ty hiện nay bao gồm:

7.1.1 Ống thép đen



Sản phẩm ống thép đen có nhiều hình dáng và kích cỡ: vuông, tròn, đen, oval...., Ống thép đen được sử dụng rộng rãi trong tất cả các lĩnh vực: Trang trí nội thất, xây dựng, công nghiệp, chế tạo xe máy, dẫn nước...

7.1.2 Ống Inox:



Sản phẩm dùng trong xây dựng, trang trí nội thất và chuyên dụng dùng trong công nghiệp (vận chuyển chất lỏng, vận chuyển khí gas,, dùng trong các nhà máy sản xuất sản phẩm hóa dầu, nhà máy sản xuất bột giấy, nhà máy sản xuất thức uống, nhà máy điện...).

7.1.3 Xà gỗ thép:



Sản phẩm có nhiều hình dáng và kích cỡ: Vuông, tròn, đen, oval, ... Phục vụ chủ yếu cho lĩnh vực xây dựng.

7.1.4 Hoạt động thương mại

Hoạt động thương mại mua bán hàng hóa của Công ty chiếm tỷ trọng lớn, năm 2009 mức tổng doanh thu từ hoạt động này đạt 1.451 tỷ, chiếm tỷ trọng 57,02% tổng doanh thu.

7.1.5 Sản phẩm và dịch vụ khác

Cung cấp dịch vụ và các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể khoảng 0,8% tổng doanh thu năm 2009. Hiện nay, HLA đã thiết lập được một hệ thống đại lý phân phối rộng khắp cả nước, sản phẩm của Công ty đã được sự tin nhiệm của người tiêu dùng trong và ngoài nước đặc biệt là trong khu vực Đông Nam Á.

7.2 Sản lượng sản phẩm, dịch vụ qua các năm

Bảng: Cơ cấu sản lượng theo sản phẩm – dịch vụ

STT	Sản phẩm	Năm 2008		2009	
		Sản lượng (1.000 kg)	Tỷ lệ % Sản lượng	Sản lượng (1.000 kg)	Tỷ lệ % Sản lượng
1	Ống thép đen	58,587	49.48%	72,051	31.04%
2	Ống Inox	3,674	3.10%	5,288	2.27%
3	Xà gỗ thép	2,249	1.90%	2,728	1.18%
4	Các sản phẩm và hoạt động khác	53,893	45.52%	152,086	65.51%
Tổng cộng		118,403	100%	232,153	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

Bảng Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm – dịch vụ

STT	Sản phẩm – Dịch vụ	Năm 2008		2009	
		Doanh thu (triệu đồng)	Tỷ lệ % Doanh thu	Doanh thu (triệu đồng)	Tỷ lệ % Doanh thu
1	Ống thép đen	922,466	50.59%	854,336	33.58%
2	Ống Inox	170,562	9.35%	210,250	8.26%
3	Xà gồ thép	32,696	1.79%	26,700	1.05%
4	Các sản phẩm và hoạt động khác	697,630	38.27%	1,452,818	57.11%
Tổng cộng		1,823,353	100%	2,544,104	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

Bảng Cơ cấu lợi nhuận theo sản phẩm – dịch vụ

STT	Sản phẩm – Dịch vụ	Năm 2008		Năm 2009	
		LNTT (triệu đồng)	Tỷ lệ % Trên tổng LNTT	LNTT (triệu đồng)	Tỷ lệ % Trên tổng LNTT
1	Ống thép đen	(4,229)	-20.79%	32,678	35.93%
2	Ống Inox	(3,173)	-15.60%	10,003	11.00%
3	Xà gồ thép	384	1.89%	(4,198)	-4.61%
4	Các sản phẩm và hoạt động khác	(13,329)	-65.50%	52,456	57.68%
Tổng cộng		(20,347)	-	90,938	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

Thị trường tiêu thụ

Năm 2009, các sản phẩm chủ yếu được tiêu thụ ở thị trường trong nước với doanh thu đạt khoảng 2.408 tỷ đồng, tương ứng với 94,65% tổng doanh thu thuần của HLA. Thị trường tiêu thụ của công ty tập trung chủ yếu ở miền Nam và miền Trung với tỷ lệ tương ứng 87% và 7.65% trên tổng doanh thu thuần. Doanh thu xuất khẩu đạt khoảng 136 tỷ đồng, chiếm 5,35% tổng doanh thu thuần với thị trường chủ yếu là Campuchia, Úc và Singapore, trong đó thị trường Campuchia chiếm tỷ trọng lớn nhất (trên 80% doanh thu thuần xuất khẩu)

7.3 Nguyên vật liệu

7.3.1 Nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, phần lớn các nguyên vật liệu được nhập khẩu từ nước ngoài nên sự biến động giá nguyên vật liệu trên thị trường ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty xây dựng các tiêu chí đánh giá và lựa chọn nhà cung ứng đối với từng loại sản phẩm nhằm đảm bảo nguồn nguyên vật liệu đầu vào phù hợp về chất lượng, giá cả và đáp ứng được nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty. Tình hình biến động giá cả nguyên vật liệu chính trong 3 năm từ 2007 – 2009 như sau:

Bảng: Giá nguyên vật liệu trung bình qua các năm 2007 – 2009 của thị trường thế giới

Tên NVL	2007	2008	2009
Ống thép đen (đồng/kg)	9.050	12.977	8.787
Ống Inox (đồng/kg)	36.533	37.532	29.988

Nguồn: Công ty Cổ phần Hữu liên Á Châu

Dữ liệu trên cho thấy giá nguyên vật liệu năm 2008 tăng nhanh so với năm 2007. Giá ống thép đen tăng 3.926 đồng/kg tương ứng 43,38%, giá Inox tăng 999 đồng/kg. Tuy nhiên giá nguyên vật liệu lại giảm mạnh trong năm 2009, giá ống thép đen giảm 4.190 đồng/kg tương ứng 32,22% và giá ống Inox giảm đến 7.5442 đồng/kg tương ứng với 0,10%.

Bảng: So sánh giá thành và giá bán trung bình của sản phẩm qua các năm 2007 – 2009

Tên sản phẩm	2007			2008			2009		
	Giá thành	Giá bán	Tỷ lệ % chênh lệch	Giá thành	Giá bán	Tỷ lệ % chênh lệch	Giá thành	Giá bán	Tỷ lệ % chênh lệch
Ống thép đen (đồng/kg)	10.217	10.841	6,11	14.467	14.264	-1,40	10.913	11.033	1.10
Ống Inox (đồng/kg)	41.721	42.229	1,22	42.053	41.975	-0.19	35.100	35.273	0.49

Nguồn: Công ty Cổ phần Hữu liên Á Châu

7.4 Chi phí sản xuất:

Đặc điểm của ngành sản xuất sắt thép là chi phí đầu tư ban đầu và nguồn vốn cho nguyên vật liệu rất lớn. Nguyên vật liệu chính cho sản xuất phải nhập khẩu 100% từ nước ngoài. Chính điều này đã tạo nên những thuận lợi và khó khăn cho Công ty trong quá trình hoạt động.



Bảng: Cơ cấu giá vốn của Công ty năm 2008 – 2009

ĐVT: đồng

Chi phí sản xuất theo yếu tố	Năm 2008		Năm 2009	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1. Chi phí nguyên vật liệu	1,647,618,289	96.40%	2,230,609,276	96.94%
- Chi phí nguyên vật liệu	1,626,851,988	95.18%	2,209,050,870	96.00%
- Chi phí nguyên vật liệu phụ	20,766,301	1.21%	21,558,406	0.94%
2. Chi phí nhân công	15,308,974	0.90%	19,395,418	0.84%
3. Chi phí khấu hao tài sản cố định	20,213,427	1.18%	19,782,294	0.86%
4. Chi phí dịch vụ mua ngoài	22,531,785	1.32%	29,783,907	1.29%
5. Chi phí khác bằng tiền	3,549,199	0.21%	1,417,668	0.06%
Tổng cộng	1,709,221,673	100%	2,300,988,562	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008-2009 Công ty CP HLA

Chi phí nguyên vật liệu của Công ty chiếm tỷ lệ trên 95% trong tổng chi phí sản xuất của Công ty trong các năm qua. Điều này cho thấy biến động giá nguyên vật liệu có ảnh hưởng mạnh đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty, do đó việc duy trì một chiến lược hợp lý về giá cả nguyên vật liệu sẽ góp phần đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được duy trì ổn định đồng thời giúp Công ty hoàn thành các kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đề ra.

Bảng: Các chi phí sản xuất của Công ty năm 2008 – 2009

ĐVT: triệu đồng

Yếu tố	Năm 2008		Năm 2009		6 tháng đầu 2010	
	Giá trị	% doanh thu thuần	Giá trị	% doanh thu thuần	Giá trị	% doanh thu thuần
Giá vốn hàng bán	1.720.220	93,35	2.305.421	90,22	929.208	86,59
Chi phí quản lý doanh nghiệp	43.839	2,38	41.799	1,64	25.984	2,42
Chi phí bán hàng	9.620	0,52	6.690	0,26	5.094	0,47

Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2010 CTCP HLA



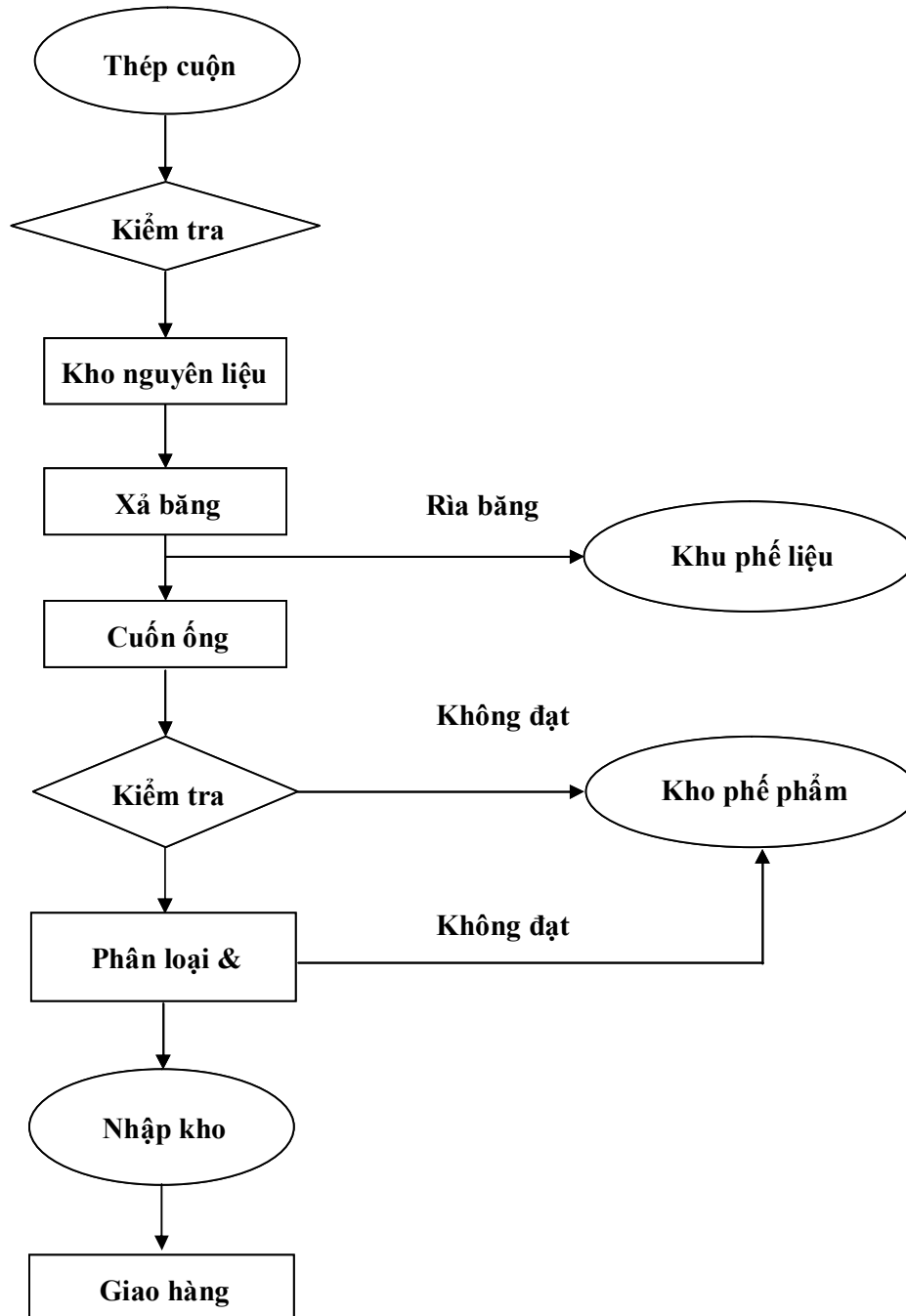
Bảng dữ liệu trên cho thấy năm 2009 có dấu hiệu chuyển biến tích cực trong cơ cấu chi phí sản xuất của Công ty. Theo đó, chi phí giá vốn hàng bán đã được giảm 3,13%, thể hiện sự tiến bộ, hiệu quả trong công tác quản lý chi phí, đặc biệt là chi phí nguyên vật liệu. Chi phí quản lý và chi phí bán hàng cũng có sự thay đổi theo hướng tích cực, chi phí quản lý và chi phí bán hàng trong năm 2009 lần lượt chiếm 1,64% và 0,26% doanh thu thuần so với mức 2,38% và 0,52% của năm 2008 cho thấy Công ty đã đạt được hiệu quả cao trong công tác quản lý và điều hành doanh nghiệp nhằm giảm thiểu chi phí nhưng vẫn đạt hiệu quả tối ưu. Trong 6 tháng đầu năm 2010, HLA vẫn kiểm soát tốt các khoản chi phí của mình, so với cùng kỳ năm 2009, các chi phí này không có nhiều biến động đáng kể.

Ngoài ra, Công ty luôn có biện pháp hợp lý trong quản lý chi phí. Công ty có sẵn kế hoạch chuẩn bị nguồn nguyên vật liệu trước một chu kỳ sản xuất và hoạch định chính xác giá thành sản phẩm khi tiêu thụ. Mặt khác Công ty có thể chủ động được trong việc lựa chọn nhà cung cấp nguyên liệu, đảm bảo sự ổn định về chất lượng sản phẩm và chi phí sản xuất. Tuy nhiên, việc biến động giá nguyên vật liệu thị trường thế giới vẫn ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí sản xuất của Công ty.

7.5 Trình độ công nghệ

Phát triển công nghệ luôn là yếu tố hàng đầu được Công ty quan tâm đầu tư phát triển. Công ty đang sử dụng dây chuyền sản xuất hiện đại của Nhật Bản và phần lớn máy móc thiết bị mới 100% được nhập từ Đài Loan đáp ứng hệ thống tiêu chuẩn về chất lượng. Công ty đã được cấp chứng nhận ISO 9001-2000 tại Chứng nhận số: HT 508/1.06.17 của Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng – Trung tâm chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn. Sau đây là một quy trình sản xuất tiêu biểu:

QUY TRÌNH SẢN XUẤT SẢN PHẨM ỐNG THÉP





THUYẾT MINH QUI TRÌNH SẢN XUẤT ỐNG THÉP

Kho nguyên liệu:

- Tất cả các loại nguyên liệu trước khi nhập xuất đều được kiểm tra chặt chẽ theo những qui định của Công ty (số lượng, trọng lượng, chất lượng, ngoại quan...).

Công đoạn xả băng:

- Thép cuộn được đưa vào máy xả băng để cắt thành các băng có qui cách khác nhau.

Công đoạn cuốn ống:

- Dựa vào qui cách băng khác nhau để sản xuất các ống có hình dạng (tròn, hộp, oval, chữ D) và kích thước khác nhau.

Công đoạn kiểm tra:

- Ống được tổ máy và KCS kiểm tra chất lượng (độ thẳng, kích thước, độ oval, đường hàn...) trước khi cho sản xuất hàng loạt
- KCS kiểm tra xác suất chất lượng sản phẩm bằng các thiết bị thích hợp trong quá trình sản xuất theo tiêu chuẩn cơ sở công bố TC01/2004/HLA, TC02/2004/HLA, hướng dẫn công việc kiểm tra chất lượng sản phẩm (HD-07) và kế hoạch kiểm soát chất lượng ống thép (KH-02)
- Những ống đạt chất lượng được phép chuyển đến công đoạn sau; còn những ống không đạt chất lượng được để gần băng nhận biết và tiến hành xử lý theo thủ tục xử lý sản phẩm không phù hợp (TT-10)

Phân loại và đóng gói:

- Ống được phân loại trước khi chuyển qua công đoạn đóng gói.
- Tùy theo từng loại độ dày và qui cách ống mà chọn dây đai phù hợp (dây dù hoặc dây thép) và số lượng ống cho từng bó.
- Thành phẩm sau khi vô bao được sắp xếp theo từng khu vực và có dấu hiệu nhận biết.

Nhập kho thành phẩm:

- Thành phẩm sau khi vô bao được chuyển qua kho thành phẩm, và được kiểm tra chặt chẽ trước khi nhập kho.

Giao hàng:

Thủ kho có trách nhiệm kiểm tra lệnh giao hàng (số lượng, loại nguyên liệu, ...) trước khi giao hàng cho khách hàng.

Ngoài ra, Công ty còn trang bị một số máy móc, thiết bị tiên tiến, hiện đại, luôn trong tình trạng sử dụng tốt.



STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ (tỉ đồng)	XUẤT XỨ	NĂM SẢN XUẤT	CÔNG SUẤT (KW)	NGÀY NHẬP XƯỞNG
1	Máy cuốn hàn ống thép YC70	03	6	Đài Loan	1998÷2003	360	1998÷2003
2	Máy cuốn hàn ống thép YC50	07	14	Đài Loan	1999÷2004	270	1999÷2004
3	Máy cuốn hàn ống inox YC70	03	3,7	Đài Loan	2001÷2004	64	2002÷2006
4	Máy cuốn hàn ống inox YC50	06	5,9	Đài Loan	2000÷2004	51	2000÷2006
5	Máy cuốn hàn ống inox YC40	07	5,97	Đài Loan	1999÷2004	42	1999÷2006
6	Máy xả băng 250	01	4,2	Đài Loan	2004	256	2005
7	Máy cán khổ 600	01	9,7	Trung Quốc	2007	1933	2007
8	Lò ủ 30 tấn	04	4,8	Trung Quốc	2007÷2008	500	2007÷2008
9	Lò ủ 30 tấn	02	5	Trung Quốc	2007	800	2007

Nguồn: Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

7.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Công ty luôn chú trọng đầu tư nghiên cứu phát triển sản xuất nhiều sản phẩm mới, chất lượng, đa dạng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Hiện nay, Công ty đang triển khai thực hiện Dự án đầu tư quy trình cán ủ mới, sản phẩm là thép cán nguội với các kích cỡ rộng từ 600mm x cuộn có độ dày từ 0,6 đến 1,5mm. Chất lượng đảm bảo đạt tiêu chuẩn cao nhất về độ bền và khả năng chịu lực nén cao.

Ngoài ra, Công ty còn thực hiện đa dạng hoá sản phẩm:

- Sản xuất thêm nhiều chủng loại ống thép, Sản xuất các loại ống thép có đường kính lớn phục vụ cho các ngành công nghiệp như ống dẫn dầu, ống dẫn khí...
- Cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm để mở rộng thị trường và tạo thế cạnh tranh lâu dài.
- Sản phẩm Inox của Công ty rất đa dạng và phong phú về chủng loại, các sản phẩm từ **Ø8** đến **Ø114** với độ dày từ 0,5mm đến 2.0mm.
- Công ty cũng đã tăng cường gia tăng sản xuất ống Inox không gỉ để luôn đáp ứng nhu cầu của thị trường.



7.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Công ty đang áp dụng hệ thống tiêu chuẩn về chất lượng được cấp chứng nhận ISO 9001-2000 theo Giấy chứng nhận số HT 505.03.17 do Trung tâm chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn Quacert cấp ngày 16/06/2003, sản xuất sản phẩm đáp ứng mọi yêu cầu của thị trường.

Bộ phận kiểm tra chất lượng

Quy trình kiểm tra chất lượng bắt đầu từ khâu nhập nguyên vật liệu đến khâu nhập kho thành phẩm đều phải qua hệ thống quản lý chất lượng của Công ty theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000 nhằm luôn đảm bảo chất lượng sản phẩm tiêu thụ tại thị trường nội địa và xuất khẩu. Tất cả các sản phẩm của Công ty khi xuất xưởng phải đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001-2000.

7.8 Hoạt động Marketing

Với chính sách hướng về thị trường, Công ty luôn quan tâm đến công tác điều tra nghiên cứu để cập nhật thông tin mới nhất về diễn biến thị trường và nhu cầu khách hàng. Công tác Marketing của Công ty được phát triển rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng như: báo, tạp chí, truyền hình... Dựa trên những thông tin điều tra kết hợp với thế mạnh về thiết bị, nhân lực, Công ty xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển một số mặt hàng chủ lực.

Hiện nay, Công ty xúc tiến thành lập bộ phận chuyên trách Marketing và phát triển thương hiệu. Trong tương lai, Công ty sẽ chú trọng hoạt động kinh doanh, phân phối sản phẩm, phát triển thị trường và phát triển thương hiệu để thực hiện một số định hướng chiến lược sau:

- Duy trì, giữ vững vị trí dẫn đầu Việt Nam về ngành hàng ống thép, phát triển mạnh mẽ ngành hàng ống Inox và ngành thép thương mại (thép cuộn và thép tấm).
- Phát triển và mở rộng mạng lưới phân phối theo chiều sâu, đồng thời gia tăng mạng lưới phân phối xuất khẩu ra thị trường nước ngoài.

**7.9 Nhân hiệu thương mại**

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận nhân hiệu hàng hoá số 76884 theo quyết định số 11805/QĐ-SHTT, ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Cục Sở Hữu Trí Tuệ

**7.10 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết****A / Nhà cung cấp lớn:**

Bảng: Danh sách các nhà cung cấp lớn

ĐVT: đồng

STT	NGÀY	MÃ HỢP ĐỒNG	SỐ HỢP ĐỒNG	ĐỐI TÁC	NGHIỆP VỤ KINH TẾ	TRỊ GIÁ HỢP ĐỒNG
1	24/04/2010	240410/HĐMB/KK LA-HLA	240410	Công ty CP Kim Khí Long An	Mua thép cuộn cán nóng	28,910,000,000
2	26/04/2010	07/2010/VTLA-HL/HĐKT	07/2010	Công ty CP Thép Việt Thành Long An	Mua thép cuộn cán nóng	28,400,000,000
3	01/03/2010	0103/10/HĐMB-BG	0103/10	Công ty TNHH MTV Bảo Gia	Mua thép cuộn cán nóng	22,467,500,000
4	20/01/2010	20/01/ĐN-HLA/HĐ2010	20/01	Công ty CP Thép Đại Nam	Mua thép cuộn cán nóng	15,687,594,000
5	28/01/2010	010-CR/PVN2010	010	Công ty TNHH POSCO – VIETNAM	Mua thép cán nguội mềm	15,676,194,585

Nguồn: Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

B/ Nhà tiêu thụ lớn:

Bảng: Danh sách các nhà tiêu thụ lớn

ĐVT: đồng

STT	NGÀY	MÃ HỢP ĐỒNG	SỐ HỢP ĐỒNG	ĐỐI TÁC	NGHIỆP VỤ KINH TẾ	TRỊ GIÁ HỢP ĐỒNG
1	10/03/2010	100310/AC-KĐ/HĐMB-2010	100310	Công ty TNHH Thép Kỳ Đồng	Bán thép cuộn cán nóng	34,587,135,000
2	05/02/2010	050210/AC-ML/HĐMB-2010	050210	Công ty TNHH Thép Mê Lin	Bán thép cuộn cán nóng	22,050,000,000



STT	NGÀY	MÃ HỢP ĐỒNG	SỐ HỢP ĐỒNG	ĐỐI TÁC	NGHIỆP VỤ KINH TẾ	TRỊ GIÁ HỢP ĐỒNG
3	07/01/2010	070110/AC-NQ/HĐMB-2010	070110	Công ty TNHH TM – DV Nghiệp Quyền	Bán thép cuộn cán nóng	21,780,000,000
4	24/03/2010	240310/AC-NK/HĐMB-2010	240310	Công ty CP Thép Nam Kim	Bán thép cuộn cán nguội	7,999,155,000
5	08/03/2010	080310/AC-ĐN/HĐMB-2010	2010	Công ty CP thép Đại Nam	Bán thép cuộn cán nóng	6,392,988,000

Nguồn: Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

8.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008, 2009, và 6 tháng đầu năm 2010

– Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng: Tóm tắt kết quả hoạt động kinh doanh

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	% tăng giảm	6 tháng đầu 2010
Tổng giá trị tài sản	961.524	1.504.762	56,50%	1.431.483
Doanh thu thuần	1.842.643	2.555.421	38,68%	1.073.125
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(23.169)	78.849	-	38.450
Lợi nhuận khác	5.241	14.389	164,55%	277
Lợi nhuận trước thuế	(17.929)	94.605	-	39.759
Lợi nhuận sau thuế	(19.353)	67.260	-	28.285

Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2010 CTCP HLA

8.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Trong năm 2009, hoạt động sản xuất của Công ty ổn định, năng suất và sản lượng cao. Công tác quản lý chi phí giá thành ngày càng hoàn thiện: Tăng cường chủ động các nguyên vật liệu đầu vào, cải tiến công tác lập kế hoạch sản xuất, đặc biệt là kế hoạch sử dụng nguyên vật liệu, kiểm soát tốt chi phí đầu vào, giảm giá thành, tăng khả năng cạnh tranh, nâng cao hiệu quả hoạt động Công ty.



Mạng lưới khách hàng ngày càng được mở rộng, các chính sách khách hàng, sản phẩm, giá cả được xây dựng phù hợp với từng nhóm khách hàng. Điều này giúp các sản phẩm của Công ty được tiêu thụ rộng rãi.

Thương hiệu của HLA ngày càng được khẳng định, được nhiều người tiêu dùng biết đến và tín nhiệm, đã góp phần đem lại thành công bước đầu và đang dần trở thành một yếu tố quan trọng góp phần đưa HLA trở thành một nhà sản xuất lớn trong ngành công nghiệp xây dựng.

Bên cạnh những thuận lợi trên, trong năm 2009, Công ty phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt với nhiều doanh nghiệp trong cùng ngành; giá thép cuộn nhập khẩu phục vụ hoạt động sản xuất thường có nhiều biến động gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty HLA chuyên sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép, ống Inox, xà gồ... sử dụng trong lĩnh vực xây dựng và trang trí nội thất. Với bề dày kinh nghiệm 30 năm, cộng với sự tâm huyết của ban lãnh đạo luôn hoạt động theo tôn chỉ “chất lượng hàng đầu và uy tín số 1”. Chính vì vậy, HLA đã luôn khẳng định được tên tuổi cũng như thương hiệu của mình trên thị trường Việt Nam. Hiện nay, HLA là một trong những Công ty hàng đầu trong ngành sản xuất ống thép đen (chiếm khoảng 12% trên tổng lượng tiêu thụ của thị trường Việt Nam) (Nguồn: Hiệp hội thép Việt Nam – Hà Nội).

HLA là doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam đưa vào sản xuất mặt hàng Inox theo quy trình công nghệ hiện đại nhất được nhập từ nước ngoài, đảm bảo đầy đủ các yêu cầu về kỹ thuật và thẩm mỹ. Công ty cũng đã đầu tư đưa vào hoạt động dây chuyền cán nguội với công suất lên đến 3.000 tấn/tháng. Đây là chiến lược đúng đắn của Ban lãnh đạo nhằm chủ động được nguồn nguyên liệu để phục vụ kịp thời cho bộ phận sản xuất ống thép trong bối cảnh khan hiếm nguyên liệu như hiện nay. Ngoài ra, để đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật cao nhất, cũng như đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn ổn định, HLA đã áp dụng nghiêm ngặt hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 : 2000 từ năm 2002. Năm 2005, Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh công nhận sản phẩm ống thép của HLA là sản phẩm công nghiệp chủ lực theo tiêu chuẩn sản phẩm công nghiệp chủ lực của TP.HCM được công bố tại văn bản số 22/TB-U ngày 04/04/2005. Công ty cũng đã được TP.HCM duyệt cho thuê thêm 8.000 m² mặt bằng vào năm 2007 nâng tổng diện tích đất thuê hiện tại là 42.258 m² tại Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân để mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao thương hiệu, uy tín và vị thế trong ngành.

Mặt bằng sản xuất của Công ty nằm tiếp giáp Khu công nghiệp Lê Minh Xuân nên rất thuận tiện giao thông và vận chuyển hàng hóa. Diện tích mặt bằng của Công ty rộng lớn, thuận lợi cho việc triển khai các mô hình sản xuất kinh doanh mới. Bên cạnh đó, với chính sách thu



hút nhân tài, đãi ngộ và chế độ phúc lợi tốt, Công ty đã thu hút và xây dựng được đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm, nhiệt tình trong cùng ngành.

Mạng lưới phân phối của HLA trải rộng khắp cả nước với trên 1.000 khách hàng. Ngoài ra, Công ty còn xuất khẩu các mặt hàng ra nước ngoài như: Campuchia, Mỹ, Úc, Đài Loan. Trong tương lai, Công ty sẽ chú trọng, nâng cao và đẩy mạnh hơn nữa tỷ lệ xuất khẩu so với hiện tại. Với chiến lược hoạt động kinh doanh đa ngành mang lại lợi thế kinh doanh cho các ngành hàng của Công ty, nhằm phát triển các sản phẩm của Công ty mang tính độc lập, giảm thiểu tính rủi ro do biến động của nền kinh tế, vừa có sự liên kết liên hợp trong vấn đề sản xuất, giúp giảm giá thành nâng cao khả năng cạnh tranh, Công ty đã đầu tư vào Công ty CP Minh Hữu Liên – một doanh nghiệp chuyên sản xuất sản phẩm trang trí nội thất và sản phẩm ứng dụng từ thép và Inox. Do chủ động được nguồn nguyên vật liệu, giảm giá thành kết hợp với công nghệ hiện đại, Công ty CP Minh Hữu Liên đã vượt qua nhiều đối thủ cạnh tranh để trở thành nhà cung cấp sản phẩm cho các Công ty lớn trên thế giới như: IKEA (Thụy Điển), Pouyuen (Đài Loan), Central Purchasing (Mỹ),... Đồng thời, sản phẩm của Minh Hữu Liên đang được đánh giá cao trên thị trường thế giới.

Hiện tại, sản phẩm của Công ty được phân phối rộng rãi trong và ngoài nước. Do đó, Công ty đang có thuận lợi trong việc xây dựng và phát triển thương hiệu tại thị trường trong nước và khu vực.

9.2 Triển vọng phát triển của ngành

Thép là vật tư quan trọng trong ngành công nghiệp, xây dựng, có vai trò quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước. Việt Nam đã xác định ngành thép là ngành công nghiệp ưu tiên phát triển. Sự tăng trưởng ngành thép gắn liền với sự tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế.

Trong những năm gần đây, kinh tế của Việt Nam luôn duy trì ở mức tăng trưởng khá cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Theo nhận định các chuyên gia kinh tế trong và ngoài nước, giai đoạn từ nay tới năm 2012, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ tiếp tục duy trì ổn định mặc dù kinh tế thế giới và kinh tế khu vực đôi lúc có những biến động bất lợi.

Theo Quyết định số 145/2007/QĐ-TTg ngày 04 tháng 09 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành thép giai đoạn 2007 đến 2015 có tính đến 2025 với một số quan điểm chính sau:

- § Phát triển ngành thép Việt Nam phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và ngành công nghiệp của cả nước, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội các địa phương và lộ trình hội nhập của Việt Nam;
- § Xây dựng ngành thép Việt Nam với công nghệ tiên tiến hợp lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn tài nguyên của đất nước, bảo đảm hài hòa với bảo vệ môi trường sinh thái tại các địa bàn phát triển ngành thép;

- § Coi trọng và khuyến khích các thành phần kinh tế, các ngành kinh tế trong nước liên kết, hợp tác với nước ngoài đầu tư xây dựng một số tổ hợp mỏ - luyện kim, nhà máy thép liên hợp và nhà máy cán các sản phẩm thép dẹt quy mô lớn.

Mục tiêu phát triển tổng thể của ngành thép Việt Nam là đáp ứng tối đa nhu cầu về các sản phẩm thép của nền kinh tế, tăng cường xuất khẩu. Trong đó sản xuất phôi thép (thép thô) năm 2010 đạt 3,5 - 4,5 triệu tấn; năm 2015 đạt 6 - 8 triệu tấn; năm 2020 đạt 9 - 11 triệu tấn và năm 2025 đạt 12 - 15 triệu tấn; Sản xuất thép thành phẩm năm 2010 đạt 6,3 - 6,5 triệu tấn (18 - 2,0 triệu tấn sản phẩm dẹt); năm 2015 đạt 11- 12 triệu tấn (6,5 - 7,0 triệu tấn sản phẩm dẹt); năm 2020 đạt 15 - 18 triệu tấn (8 - 10 triệu tấn sản phẩm dẹt) và năm 2025 đạt khoảng 19 - 22 triệu tấn thành phẩm (11 - 13 triệu tấn sản phẩm dẹt và 0,2 triệu tấn thép đặc biệt). Về xuất khẩu gang thép phần đầu năm 2010 xuất khẩu 0,5 - 0,7 triệu tấn; năm 2015 xuất khẩu 0,7 - 0,8 triệu tấn; năm 2020 xuất khẩu 0,9 - 1,0 triệu tấn; năm 2025 xuất khẩu khoảng 1,2 - 1,5 triệu tấn.

Dự kiến nhu cầu thép thành phẩm của Việt Nam sẽ tăng nhanh, dự kiến năm 2010 đạt khoảng 10 - 11 triệu tấn; năm 2015 khoảng 15 - 16 triệu tấn; năm 2020 khoảng 20 - 21 triệu tấn và năm 2025 khoảng 24 - 25 triệu tấn.

Để thực hiện các mục tiêu trên, Việt nam đã có các giải pháp, chính sách chủ yếu sau:

- Giải pháp bảo đảm nguồn nguyên, nhiên liệu chính.

Trước mắt, thực hiện việc xuất quặng sắt để nhập đối lưu than mỡ, than cốc với các đối tác Trung Quốc. Về lâu dài, cần xây dựng chiến lược xuất nhập khẩu nguyên liệu khoáng chung của cả nước để bảo đảm nguồn than mỡ, than cốc cho ngành Thép phát triển bền vững.

- Giải pháp xuất nhập khẩu, phát triển thị trường:

+ Bảo vệ thị trường nội địa bằng các hàng rào kỹ thuật và tiêu chuẩn chất lượng, môi trường hợp pháp nhằm ngăn chặn sự xâm nhập của sản phẩm kém chất lượng, không bảo đảm an toàn vào thị trường Việt Nam;

+ Tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật để hoàn thiện thị trường các sản phẩm thép, tạo liên kết chặt chẽ, chia sẻ lợi nhuận và cộng đồng trách nhiệm giữa nhà sản xuất với nhà kinh doanh thép;

+ Hoàn thiện chính sách, pháp luật và tăng cường năng lực thực hiện pháp luật về cạnh tranh, chống độc quyền, chống liên kết lũng đoạn thị trường, chống bán phá giá.

- Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật và chất lượng đội ngũ giáo viên cho các trường đào tạo công nhân kỹ thuật để có đủ năng lực đào tạo đáp ứng nhu cầu lao động cho ngành luyện kim. Coi trọng hình thức đào tạo ở nước ngoài, mời chuyên gia nước ngoài đào tạo tại nhà máy.

- Giải pháp phát triển khoa học - công nghệ



Tăng cường hợp tác quốc tế, củng cố mối quan hệ khoa học - công nghệ giữa các đơn vị sản xuất với các cơ quan nghiên cứu R&D, các trường đại học trong và ngoài nước nhằm đẩy mạnh việc chuyển giao công nghệ - kỹ thuật mới vào ngành thép nước ta.

- Giải pháp về quản lý: Ban hành cơ chế, chính sách phát triển ngành thép Việt Nam theo hướng khuyến khích cao và bảo hộ hợp lý đầu tư sản xuất ở thượng nguồn (khai thác, tuyển quặng sắt quy mô lớn, sản xuất các sản phẩm hoàn nguyên, gang, phôi thép), xây dựng các liên hợp luyện kim và các nhà máy cán sản phẩm thép dẹt quy mô lớn.

- Đẩy mạnh công tác đổi mới, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước để nâng cao năng lực cạnh tranh. Khuyến khích việc thành lập Công ty cổ phần có sự tham gia của các doanh nghiệp nhà nước, các ngành kinh tế và các thành phần kinh tế trong và ngoài nước.

9.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của nhà nước, và xu thế chung của thế giới:

Gia nhập WTO, Việt Nam có nhiều cơ hội và thách thức trên thị trường nội địa và quốc tế. Để đáp ứng yêu cầu mới trong môi trường cạnh tranh ngày càng cao, Công ty đã xúc tiến xây dựng và phát triển thương hiệu trong và ngoài nước.

Ngoài ra, Công ty cũng đã thiết lập lộ trình hội nhập để chủ động tận dụng các cơ hội và ứng phó với các thách thức của thị trường. Các kế hoạch tăng cường đầu tư công nghệ sản xuất, nhân lực theo chiều sâu và đã và đang được tiến hành từ năm 2006 đến 2012. Để bắt kịp xu thế của thời đại, Công ty thiết lập và xây dựng hệ thống Marketing hiện đại và chuyên nghiệp nhằm nghiên cứu thị trường để nắm bắt nhu cầu và thị hiếu của khách hàng, từ đó đưa ra những chiến lược kinh doanh đúng đắn, đạt hiệu quả cao, xây dựng Hữu liên Á Châu thành thương hiệu lớn.

Từ những phân tích trên cho thấy định hướng phát triển của Công ty là phù hợp với định hướng của ngành và chính sách phát triển của Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1 Số lượng người lao động trong Công ty:

Tính đến 31/12/2009, số lượng người lao động trong Công ty là 649 người. Cơ cấu lao động của Công ty phân theo giới tính, trình độ chuyên môn được thể hiện trong bảng sau:

Cơ cấu lao động

Bảng: cơ cấu lao động

Phân theo giới tính	Số lượng người tại thời điểm	
	31/12/2008	31/12/2009
- Nam	442	577



- Nữ	67	72
Phân theo trình độ chuyên môn		
- Đại học	28	28
- Cao đẳng, Trung cấp	57	74
- Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	424	547

Nguồn: Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

10.2 Chính sách đào tạo

Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng, kiến thức cho người lao động vì công ty luôn ý thức được rằng nguồn nhân lực là vô cùng quý giá, quyết định sự thành công và phát triển của Công ty.

Đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho nhân viên có thể được tiến hành theo các hình thức sau: Đào tạo nội bộ; Mời chuyên gia bên ngoài đến đào tạo tại Công ty hoặc gửi nhân viên Công ty dự học các khoá đào tạo tại bên ngoài.

Thường xuyên mở các lớp về an toàn lao động, tay nghề, các cán bộ kỹ thuật, quản lý điều hành được cử tham gia các buổi hội thảo, học tập nhằm nắm bắt, triển khai và ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ mới.

10.3 Chế độ tiền lương

Công ty xây dựng chính sách tiền lương đồng bộ thống nhất, tiền lương được trả đúng căn cứ trên mức độ lao động và tính chất công việc, mức đóng góp của người lao động. Chính sách tiền lương của Công ty như sau:

- § Lương tháng của cán bộ nhân viên được trả căn cứ theo bảng lương của Công ty và các chế độ khác theo qui định của Luật Lao động.
- § Cán bộ nhân viên có thể được điều động làm thêm giờ. Cách tính lương thêm giờ và tổng giờ làm thêm trong tháng được thực hiện đúng theo Luật lao động Việt Nam.
- § Chế độ nâng bậc lương: Công ty xét duyệt, điều chỉnh lương và tiền công được tiến hành vào tháng 7 hàng năm dựa trên các yếu tố và điều kiện xét duyệt nâng lương. Ngoài ra, Công ty có chế độ phụ cấp: phụ cấp chức vụ; phụ cấp độc hại đối với công nhân làm ở bộ phận sản xuất có tính độc hại; trợ cấp tiền cơm, ...
- § Thưởng: Công ty có chính sách thưởng để khuyến khích người lao động hăng hái tham gia sản xuất, cải tiến kỹ thuật mang lại lợi nhuận, đóng góp vào sự phát triển của Công ty. Các hình thức thưởng của Công ty bao gồm: lương tháng 13, thưởng vượt mức sản lượng, thưởng cải tiến kỹ thuật....



10.4 Chế độ nghỉ phép, lễ, tết:

Công ty thực hiện theo luật định.

10.5 Bảo hiểm và phúc lợi:

Công ty đảm bảo đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các quyền lợi khác của công nhân theo luật định.

10.6 Tổ chức công đoàn:

Công đoàn Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Công đoàn và các luật liên quan khác.

11. Chính sách cổ tức

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, chính sách phân phối cổ tức của Công ty như sau:

- § Theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức trả cho cổ phần phổ thông sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến của các Cổ đông tại ĐHĐCĐ.
- § Theo quy định của luật doanh nghiệp, HĐQT có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này là phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
- § Nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận, HĐQT có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt.
- § Tỷ lệ cổ tức trong năm 2009 là 15% (trong đó đã tạm ứng 8% trong năm 2008 và sẽ trả tiếp 7% trong năm 2009), dự kiến trong năm 2010, 2011, 2012, và 2013 tỷ lệ chia cổ tức sẽ được duy trì ở mức 15%.

Chính sách trả cổ tức như trên phù hợp với định hướng phát triển của Công ty cũng như bảo đảm lợi ích của cổ đông.

12. Tình hình hoạt động tài chính

12.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày theo chuẩn mực kế toán Việt Nam.



12.1.1 Trích khấu hao tài sản cố định

Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tỷ lệ khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng, căn cứ thời điểm ước tính sử dụng của tài sản phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Bảng: Quy định khấu hao tài sản

Loại tài sản	Thời gian dự kiến khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50
Máy móc thiết bị	5 - 12
Phương tiện vận tải	6 - 8
Quyền sử dụng đất	50
Tài sản khác	3 - 5

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 Công ty CP HLA

12.1.2 Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty đi thuê khi phần lớn quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển từ bên cho thuê sang Công ty. Tài sản thuê tài chính được ghi nhận như tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày mua tài sản. Khoản công nợ phải trả cho bên thuê phát sinh được phản ánh trong số dư phải trả về thuê tài chính trên Bản cân đối kế toán. Các tài sản thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu Công ty hoặc trên thời gian thuê. Các tài sản thuê là máy móc thiết bị được khấu hao với thời gian sử dụng ước tính là 10 năm.

12.1.3 Mức lương bình quân

Mức lương bình quân của người lao động tại Công ty HLA:

§ Năm 2008: 3,3 triệu đồng/người/tháng

§ Năm 2009: 3,7 triệu đồng/người/tháng

12.1.4 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Căn cứ báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty năm 2009, HLA đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

**12.1.5 Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước.

12.1.6 Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo luật định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và theo pháp luật hiện hành.

Tình hình trích lập các quỹ của Công ty như sau:

Bảng: Trích lập các Quỹ năm 2008, 2009, và 6 tháng đầu năm 2010

ĐVT: đồng

Các quỹ	Năm 2008	Năm 2009	6 tháng đầu 2010
Quỹ dự phòng tài chính	3.373.176.591	-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	12.084.718	12.234.718	248.429.386
Quỹ đầu tư phát triển	3.446.177.014	3.446.177.014	1.446.176.614
Tổng	6.831.438.323	3.458.411.732	1.694.606.000

Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2010 CTCP HLA

12.1.7 Tổng dư nợ vay

Tình hình vay nợ của Công ty như sau:

Bảng: Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	6 tháng đầu 2010
Vay ngắn hạn	555.545.753.373	969.365.706.799	764.025.041.669
Vay và nợ dài hạn	18.648.894.431	11.138.946.099	76.696.510.494
Phải trả dài hạn khác	7.404.234.899	13.511.934.774	10.790.282.685
Tổng	581.598.882.703	994.016.587.672	851.511.834.848

Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2010 CTCP HLA

12.1.8 Tình hình công nợ hiện nay

Bảng: Các khoản phải thu

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	6 tháng đầu 2010
Phải thu từ khách hàng	285.852.854.337	482.544.216.464	422.990.453.995
Trả trước cho người bán	25.242.004.117	11.886.576.102	93.406.505.935
Các khoản phải thu khác	844.610.718	295.428.733	3.288.555.424
Thuế GTGT được khấu trừ	24.943.438.468	34.352.738.813	24.532.005.076
Tổng cộng	336.882.907.640	529.078.960.112	544.217.520.430

Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2010 CTCP HLA

12.1.9 Các khoản phải trả

Bảng Các khoản nợ phải trả năm 2008, 2009, và 6 tháng đầu năm 2010

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	2008		2009		6 tháng đầu 2010	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn		Nợ quá hạn
Nợ ngắn hạn	683.402.706.825	-	1.189.435.769.068	-	840.435.326.873	-
Vay ngắn hạn	555.545.753.373	-	969.365.706.799	-	764.025.041.669	-
Phải trả cho người bán	120.768.327.372	-	199.178.548.701	-	57.523.168.400	-
Người mua trả tiền trước	1.851.416.695	-	3.315.628.568	-	2.358.850.736	-
Thuế và các khoản phải trả cho nhà nước	1.634.351.438	-	7.888.439.544	-	12.677.940.361	-
Phải trả cho CNV	247.109.048	-	57.045.495	-	790.951.824	-
Chi phí phải trả	111.000.000	-	2.796.843.095	-	1.746.587.249	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.244.748.899	-	6.833.557.266	-	1.064.357.248	-



Chỉ tiêu	2008		2009		6 tháng đầu 2010	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn		Nợ quá hạn
Nợ dài hạn	30.369.517.761	-	28.486.858.175	-	92.909.569.054	-
Tổng cộng	713.772.224.586	-	1.217.922.627.643	-	933.344.895.927	-

Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2010 CTCP HLA

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	6 tháng đầu 2010
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,05 lần	1,04 lần	1,36 lần
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
<u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,58 lần	0,54 lần	0,80 lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,74	0,81	0,65
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,06	4,40	1,91
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
<u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	5,4	5,04	-
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,92	1,70	0,75
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-	2,63%	2,64%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-	24,30%	5,80%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-	4,47%	1,98%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-	3,09%	3,58%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2010 CTCP HLA

**13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng****13.1 Hội đồng quản trị****Ông. Trần Xảo Cơ – Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Họ và tên: **Trần Xảo Cơ**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 14/11/1948

Nơi sinh: TP.Hồ Chí Minh

CMND: 021616925, ngày cấp 7/10/2003, nơi cấp: CA TP.HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Hoa

Quê quán: Quảng Đông – Trung Quốc

Địa chỉ thường trú: 331 Trần Hưng Đạo, P.10, Q.5, TP.HCM

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08)877 00 62 – (08)877 11 93

Trình độ văn hóa: 09/12

Trình độ chuyên môn: Chuyên viên

Quá trình công tác

+ *Từ 1982 – 2000:* Giám đốc DNTN Cơ kim khí Nhơn Hữu Liên

+ *Từ 2001 đến nay:* Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Hữu Liên Á Châu

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Cty CP Hữu Liên Á Châu

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số CP nắm giữ (thời điểm 16/03/2010): 6.000.000 cổ phần, chiếm 18,2927 % vốn điều lệ

+ *Đại diện sở hữu:* 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ *Cá nhân sở hữu:* 6.000.000 cổ phần, chiếm 18,2927% vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những người có liên Vợ: Lưu Lan Phương năm giữ: 600.000 CP, chiếm: 1,8293 %



	vốn điều lệ
	Con: Trần Tuấn Nghiệp nắm giữ: 1.364.400 CP, chiếm: 4,1598 % vốn điều lệ
<i>quan:</i>	Con: Trần Tuấn Minh nắm giữ: 600.000 CP, chiếm: 1,8293 % vốn điều lệ
	Con: Trần Uyển Nhân nắm giữ: 600.000 CP, chiếm: 1,8293 % vốn điều lệ
<i>Những khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Không

Ông Trần Tuấn Nghiệp – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

<i>Họ và tên:</i>	Trần Tuấn Nghiệp
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	28/10/1979
<i>Nơi sinh:</i>	TP.Hồ Chí Minh
<i>CMND:</i>	023097413, ngày cấp: 07/10/2003, nơi cấp: CA TP.HCM
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Hoa
<i>Quê quán:</i>	Quảng Đông – Trung Quốc
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	331 Trần Hưng Đạo, P.10, Q.5, TP.HCM
<i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>	(08)877 00 62 – (08)877 11 93
<i>Trình độ văn hóa:</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Thạc sỹ quản trị kinh doanh (MBA – Mỹ)
Quá trình công tác	
<i>+ Từ 2001 đến nay:</i>	Tổng giám đốc Công ty Hữu liên Á Châu
<i>Chức vụ công tác hiện nay:</i>	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Hữu Liên Á Châu
<i>Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	không
<i>Số CP nắm giữ (thời điểm)</i>	1.364.400 cổ phần, chiếm 4,1598 % vốn điều lệ



16/03/2010):

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 1.364.400 cổ phần, chiếm 4,1598 % vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những người có liên quan:

Cha: Trần Xảo Cơ	nắm giữ: 6.000.000 CP, chiếm: 18,2927 % vốn điều lệ
Mẹ: Lưu Lang Phương	nắm giữ: 600.000 CP, chiếm: 1,8293 % vốn điều lệ
Em: Trần Tuấn Minh	nắm giữ: 600.000 CP, chiếm: 1,8293 % vốn điều lệ
Chị: Trần Uyên Nhân	nắm giữ: 600.000 CP, chiếm: 1,8293 % vốn điều lệ

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Ông Đoàn Minh Tiến – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên:	Đoàn Minh Tiến
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	25/08/1974
Nơi sinh:	Tuyên Quang
CMND:	012651684, ngày cấp: 14/02/2008, nơi cấp CA Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Huyện Yên Sơn – Tuyên Quang
Địa chỉ thường trú:	P207, Ngõ 713, Giải Phóng, Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	(04) 2 206 660 Ext: 139
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế ngành Tài chính – Ngân hàng.



Quá trình công tác

+ Từ 4/1996 đến 2001:	Chuyên viên phòng đầu tư tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
+ Từ 2001 đến 2004:	Phó phòng tư vấn doanh nghiệp Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
+ Từ 2004 đến 2/2007:	Trưởng phòng chính sách tín dụng thuộc Ban quản lý tín dụng Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
+ Từ 3/2007 đến nay:	Phó Tổng giám đốc Công ty Đầu tư tài chính BIDV
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT Công ty Cổ Phần Hữu Liên Á Châu
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số CP nắm giữ (thời điểm 16/03/2010):	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người có liên quan:	Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính (BIDV) nắm giữ 959.660 cổ phiếu Cty CP Hữu Liên Á Châu, chiếm 2,9258% vốn điều lệ
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

Ông Bùi Quang Hiệp – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên:	Bùi Quang Hiệp
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	18/11/1966
Nơi sinh:	TP. Hồ Chí Minh
CMND:	022020288, cấp ngày 5/10/1999, nơi cấp: CA TP.HCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh



Quê quán: Thái Bình

Địa chỉ thường trú: 2325B Hồng Lạc, P.10, Q.Tân Bình, TP.HCM

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08)877 00 62 – (08)877 11 93

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

+ *Từ 1992 đến 2001:* Kế toán trưởng tại Công ty TNHH TMDV Nghiệp Quyền

+ *Từ 2001 đến 2/2007:* Phó giám đốc kinh doanh tại Công ty CP Hữu Liên Á Châu

+ *Từ 2/2007 đến nay:* Giám đốc kinh doanh Công ty CP Hữu Liên Á Châu

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Kinh doanh Công ty CP Hữu Liên Á Châu

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số CP nắm giữ (thời điểm 16/03/2010): 120.000 cổ phần, chiếm 0,3659 % vốn điều lệ

+ *Đại diện sở hữu:* 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ *Cá nhân sở hữu:* 120.000 cổ phần, chiếm 0,3659 % vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những người có liên quan: Em : Bùi Quang Hội nắm giữ: 7.800 CP, chiếm: 0,0238 %

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Ông Phan Văn Dũng – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: **Phan Văn Dũng**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 03/02/1965

Nơi sinh: Bến Tre

CMND: 021630403, cấp ngày 25/12/2003, CA TP.HCM



<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Bến Tre
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	442/300B Sur Vạn Hạnh, P.9, Q.10, TP.HCM
<i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>	(08)8770062 – (08)8771193
<i>Trình độ văn hóa:</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
+ <i>Từ 1982 – 2003:</i>	Kế toán trưởng tại Doanh nghiệp tư nhân Hữu Liên
+ <i>Từ 2003 - 2/2007:</i>	Phó giám đốc tài chính Công ty CP Hữu Liên Á Châu
+ <i>Từ 2/2007 – nay:</i>	Giám đốc tài chính Công ty CP Hữu Liên Á Châu
<i>Chức vụ công tác hiện nay:</i>	Giám đốc tài chính Công ty CP Hữu Liên Á Châu
<i>Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Không
<i>Số CP nắm giữ (thời điểm 16/03/2010):</i>	60.000 cổ phần, chiếm 0,1829 % vốn điều lệ
+ <i>Đại diện sở hữu:</i>	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ <i>Cá nhân sở hữu:</i>	60.000 cổ phần, chiếm 0,1829 % vốn điều lệ
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i>	Không
<i>Những người có liên quan:</i>	Em :Phan Minh Tuấn, nắm giữ: 2,400 CP, chiếm 0,0073% vốn điều lệ
<i>Những khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Không

13.2 Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Tuấn Nghiệp : Tổng Giám đốc (xem lý lịch ở phần trên)

Ông Trần Tuấn Minh : Giám đốc kỹ thuật

Họ và tên: **Trần Tuấn Minh**

Giới tính: Nam



Ngày tháng năm sinh: 24/06/1983
 Nơi sinh: TP.Hồ Chí Minh
 CMND: 023543525, ngày cấp: 15/06/1998, nơi cấp CA TP.HCM
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Hoa
 Quê quán: Quảng Đông – Trung Quốc
 Địa chỉ thường trú: 331 Trần Hưng Đạo, P.10, Q.5, TP.HCM
 Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08)877 00 62 – (08)877 11 93
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
 Quá trình công tác
 + Từ 2003 đến nay: Phó giám đốc Công ty CP Hữu Liên Á Châu
 Chức vụ công tác hiện nay: Giám đốc kỹ thuật Công ty CP Hữu Liên Á Châu
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty CP Minh Hữu Liên
 Số CP nắm giữ (thời điểm 16/03/2010): 600.000 cổ phần, chiếm 1,8293% vốn điều lệ
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 + Cá nhân sở hữu: 600.000 cổ phần, chiếm 1,8293% vốn điều lệ
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
 Những người có liên quan:
 Cha: Trần Xảo Cơ năm giữ: 6.000.000 CP, chiếm: 18,2927 % vốn điều lệ
 Mẹ: Lưu Lang Phương năm giữ: 600.000 CP, chiếm: 1,8293 % vốn điều lệ
 Vợ: Nguyễn Thị Kim Phụng năm giữ: 0 CP, chiếm: 0% vốn điều lệ
 Anh: Trần Tuấn Nghiệp năm giữ: 1.364.400 CP, chiếm: 4,1598% vốn điều lệ
 Chị: Trần Uyển Nhân năm giữ: 600.000 CP, chiếm: 1,8293



% vốn điều lệ

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Ông Bùi Quang Hiệp : Giám đốc kinh doanh (xem lý lịch ở phần trên)

Ông Phan Văn Dũng : Giám đốc tài chính (xem lý lịch ở phần trên)

13.3 Ban kiểm soát**Khuu Kim Hòa - Trưởng Ban kiểm soát**

Họ và tên: **Khuu Kim Hòa**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 16/12/1948

Nơi sinh: TP.HCM

CMND: 020869759, cấp ngày 26/04/1997, nơi cấp: CA TP.HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Hoa

Quê quán: Quảng Đông – Trung Quốc

Địa chỉ thường trú: 243 Đường số 7, phường Bình Trị Đông, Q. Bình Tân, TP.HCM

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08)877 00 62 – (08)877 11 93

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Chuyên viên tài chính – kế toán

Quá trình công tác

+ *Từ 1992 – 2001 :* Phó giám đốc Doanh nghiệp tư nhân Hữu Liên

+ *Từ 2001 - 2/2007:* Phó giám đốc tại Công ty CP Hữu Liên Á Châu

Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty CP Hữu Liên Á Châu

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số CP nắm giữ (thời điểm 16/03/2010): 118.600 cổ phần, chiếm 0,3616 % vốn điều lệ

+ *Đại diện sở hữu:* 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ *Cá nhân sở hữu:* 118.600 cổ phần, chiếm 0,3616 % vốn điều lệ



Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những người có liên quan: Con: Khuru Thị Thanh Xuân, nắm giữ: 1.320 CP, chiếm 0,0040% vốn điều lệ

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Ông Phạm Trần Ái Trung – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: PHẠM TRẦN ÁI TRUNG

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 15/05/1978

Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh

CMND: 023274620, ngày cấp 09/03/2010, nơi cấp: TP. Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 106 Lô A, Ấn Quang, Phường 09, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐT liên lạc: 0903 880 440

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán – kiểm toán

Quá trình công tác:

- + Từ 2001 đến 2009 : Công tác tại công ty TNHH kiểm toán DTL
- + Từ 2010 đến nay: Cộng tác với Công ty CP Hữu Liên Á Châu

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức chào bán: Chuyên viên

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ (tại thời điểm 16/03/2010): 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ



- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
 + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

Các cam kết nắm giữ (nếu có)

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức chào bán: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Ông Lê Anh Hải – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên:* **Lê Anh Hải**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 16/03/1973
Nơi sinh: Hà Sơn Bình
CMND : 361434136, cấp ngày 03/03/2006, nơi cấp: CA TP. Cần Thơ
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Hà Sơn Bình
Địa chỉ thường trú: 963 Hậu Giang, Chung cư Bình Phú, Lầu 6, Nhà D064, F.11, Q.6 TP.HCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan: 08.977 07 55
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác**
- + Từ 1995 – 2000: Điều hành thương mại Cty Liên doanh Sơn Cao Cấp APC
 + Từ 2000 - 2004: Giám đốc bán hàng khu vực Cty SC. Johnson & Son Việt Nam.
 + Từ 2004 - 2006: Giám đốc bán hàng vùng Cty Colgate Palmolive Việt Nam
 + Từ 2006 - 2007: Giám đốc bán hàng TP.HCM Cty GlaxoSmithKline.
 + Từ 2007 - nay: Trưởng Phòng nghiên cứu phát triển thị trường Cty CP Hữu Liên Á Châu



Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Phòng nghiên cứu và phát triển Công ty CP HLA

Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số CP nắm giữ (thời điểm 16/03/2010): 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ *Đại diện sở hữu:* 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ *Cá nhân sở hữu:* 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những người có liên quan: Vợ: Phạm Thị Thanh Trúc, nắm giữ: 0 CP, chiếm: 0% vốn điều lệ

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

13.4 Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Loan - Kế toán trưởng

Họ và tên: NGUYỄN THỊ THANH LOAN

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 08/08/1976

Nơi sinh: Sài gòn

CMND: 271348548, ngày cấp 01/09/2008, nơi cấp:CA Tỉnh Đồng Nai

Quốc tịch: Việt nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 167 CMT8, F.Quyết Thắng ,TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Số ĐT liên lạc: (08)-38770062

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

*Quá trình công tác:*

- + Từ 2000 đến 2004: Chuyên viên kế toán Cty CP SUN STEEL
- + Từ 2005 đến 2009: Trưởng phòng kế toán thanh toán Cty CP Hữu Liên Á Châu
- + Từ tháng 3/2010 đến nay: Kế toán trưởng Cty CP Hữu Liên Á Châu

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức chào bán: Kế toán trưởng Công Ty CP Hữu Liên Á Châu

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số CP nắm giữ (tại thời điểm 16/03/2010): 2800 cổ phần, chiếm 0.0085 % vốn điều lệ

- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
- + Cá nhân sở hữu: 2800 cổ phần, chiếm 0.0085 % vốn điều lệ

Các cam kết nắm giữ (nếu có)

Những người liên quan : Chồng: Nguyễn Gia Hòa nắm giữ: 0 CP, chiếm 0% vốn điều lệ

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

14. Tài sản

Bảng: Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2010

ĐVT: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	40.449.354.417	35.992.648.163	88,98
2	Máy móc thiết bị	122.276.019.118	48.239.049.821	39,45
3	Phương tiện vận tải	14.539.745.453	6.465.254.311	44,47
4	Trang thiết bị văn phòng	3.456.895.920	1.807.508.886	52,29
5	Tài sản cố định khác	1.125.587.480	782.721.309	69,54
Cộng		181.847.602.388	93.287.182.490	51,30

Nguồn: BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2010 CTCP HLA

Bảng: Giá trị tài sản vô hình theo báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2010

ĐVT: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
1	Quyền sử dụng đất	86.015.845.330	80.229.695.580	93,27
2	Khác	94.650.990	78.415.221	82,85
Cộng		86.110.496.320	80.308.110.801	93,26

Nguồn: BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2010 CTCP HLA

15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong 2010 - 2012

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009, doanh thu đạt 2.555 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 94,6 tỷ đồng, căn cứ tình hình phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong những năm tới, triển vọng phát triển của ngành và căn cứ điểm mạnh, điểm yếu cũng như vị thế của Công ty trong ngành và trên thị trường, căn cứ dự báo nhu cầu tiêu thụ thép và sản phẩm từ thép trong các năm 2010, 2011, 2012, căn cứ sự biến động giá cả của các yếu tố đầu



vào như: giá nguyên vật liệu cho sản xuất tăng, giá xăng dầu tăng. Công ty đã đưa ra kế hoạch lợi nhuận, cổ tức cho năm 2010 và 2 năm tiếp theo 2011, 2012 theo bảng dưới đây:

Bảng: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong 2010 - 2012

Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
	Tỷ đồng	(%) tăng giảm so với 2009	Tỷ đồng	(%) tăng giảm so với 2009	Tỷ đồng	(%) tăng giảm so với 2009
Vốn điều lệ	672	104.88%	672	104.88%	672	104.88%
Doanh thu thuần	2,600	1.74%	2,900	13.48%	3,200	25.22%
Lợi nhuận sau thuế	120	81.74%	140	112.02%	160	142.31%
LN sau thuế/doanh thu thuần	4.62%	78.62%	4.83%	86.83%	5.00%	93.50%
LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	17.86%	-11.30%	20.83%	3.49%	23.81%	18.27%
Cổ tức	15%	0%	15%	0%	15%	0%

Nguồn: Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

Tuy năm 2010 giá cả thép thế giới vẫn biến động liên tục do quá trình hồi phục của nền kinh tế vẫn còn gặp nhiều khó khăn thách thức. Nhưng nhu cầu tiêu thụ thép vẫn tiếp tục gia tăng song song với sự tăng trưởng trở lại của nền kinh tế Việt Nam sau thời gian suy thoái. Theo Bộ Công thương nhu cầu tiêu thụ thép của Việt Nam sẽ tăng khoảng 4% so với năm 2009, tương ứng vào khoảng 13 triệu tấn trong năm nay và xu hướng của ngành sẽ đi vào ổn định.

Các dự án đầu tư triển khai năm 2010 và căn cứ để đạt kế hoạch đề ra:

a/ Tiếp tục kế hoạch di dời nhà máy từ Quận Bình Tân TPHCM về khu công nghiệp Phú An Thạnh, tỉnh Long An. Hoàn thành giai đoạn 1 xây dựng nhà máy Thép Hữu Liên tại khu công nghiệp Phú An Thạnh và chính thức đưa các sản phẩm ống thép mạ kẽm ra thị trường vào quý I/2011. Ngoài ra Công ty sẽ tiếp nhận, lắp đặt và triển khai dây chuyền sản xuất sản phẩm ống thép mạ kẽm vào quý III/2010

b/ Tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH một thành viên Thép Hữu Liên đặt tại khu Công Nghiệp Phú An Thạnh – Long An từ 10 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng để phục vụ triển khai dự án sản xuất ống mạ kẽm.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chứng khoán chuyên nghiệp, công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBS) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên



cứu phân tích và đưa ra đánh giá dự báo về tình hình kinh doanh của Công ty. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh đến doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận và chi trả cổ tức của Công ty là phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất của Công ty. Chúng tôi cũng cho rằng kế hoạch tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức của Công ty là hợp lý, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký chào bán

Không có.

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán chào bán

Không có.



V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. **Loại chứng khoán:** cổ phiếu phổ thông
2. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu
3. **Tổng số chứng khoán dự kiến chào bán:** 34.400.000 cổ phiếu
4. **Đối tượng chào bán:**

Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách với tỷ lệ 1:1. Cổ đông sở hữu 1 cổ phần thì được quyền mua thêm một cổ phiếu phát hành thêm.

Chào bán cho các cán bộ công nhân viên đang làm việc tại Công ty tính đến ngày 31/03/2010 và làm việc liên tục từ 1 năm trở lên. HĐQT quyết định danh sách chi tiết các cán bộ công nhân viên được mua và số lượng cổ phần từng cán bộ công nhân viên được mua.

5. Giá chào bán dự kiến:

Mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 12.000 đồng/cổ phiếu và mức giá chào bán cho cán bộ công nhân viên là 10.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá:

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009 là:

276.820.268.281

Giá trị sổ sách = ----- = 14.569 đồng/cổ phiếu

19.000.000

Giá trị sổ sách tại thời điểm 30/06/2010 là:

487.989.609.234

Giá trị sổ sách = ----- = 14.877 đồng/cổ phiếu

32.800.000

7. Phương thức phân phối

Tại ngày chốt danh sách cổ đông, mỗi cổ đông sở hữu một cổ phiếu sẽ được hưởng một quyền mua một cổ phiếu mới với giá 12.000 đồng/cổ phiếu.

Hội đồng quản trị lập danh sách chi tiết về các cán bộ công nhân viên được mua cổ phần và số lượng cổ phần từng cán bộ công nhân viên được mua với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phần.



Đối với cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu, trường hợp cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết, HĐQT sẽ phân phối lại số cổ phiếu không mua hết này cho đối tượng khác với giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

Đối với cổ phiếu phát hành cho cán bộ công nhân viên, trường hợp các cán bộ công nhân viên không đăng ký mua hết thì HĐQT sẽ bán lại số cổ phiếu này cho các đối tượng khác với giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

8. Thời gian phân phối

Công ty sẽ thực hiện đợt chào bán trong vòng 90 ngày kể từ ngày Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

9. Đăng ký mua cổ phiếu

Thời gian đăng ký mua cổ phiếu sẽ phụ thuộc vào thời gian phân phối cổ phiếu. Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành, sẽ đảm bảo thời hạn đăng ký mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là hai mươi ngày theo đúng luật định.

- Thời gian dự kiến phát hành: Quý III/2010

- Số lượng phát hành : 34.400.000 cổ phần

Phương thức thanh toán: cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên nộp tiền mua cổ phần trực tiếp hoặc chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa của Công ty.

10. Giới hạn nắm giữ với người nước ngoài

Theo quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam: Nhà đầu tư nước ngoài mua bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty đại chúng.

11. Các quy định liên quan đến việc hạn chế chuyển nhượng

Số cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng. Số cổ phần chào bán cho cán bộ công nhân viên và số lượng cổ phần mà CBCNV không đăng ký mua hết được bán lại cho đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 02 năm tính từ ngày lưu ký của đợt phát hành.

12. Các loại thuế có liên quan

Cổ đông mua cổ phần phát hành thêm chịu các loại thuế theo quy định của pháp luật

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu Số tài khoản: 060013068022

Tại ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Sở giao dịch TPHCM



VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2010 ngày 27/04/2010 của Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu, mục đích chào bán là:

- § Tăng năng lực tài chính nhằm tăng khả năng cạnh tranh của Công ty;
- § Huy động vốn tài trợ cho dự án xây dựng khu phức hợp Hữu Liên Á Châu tại quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

2. Phương án khả thi dự án khu phức hợp cao ốc Hữu Liên Á Châu

Mục đích đầu tư: Tổ hợp khu phức hợp cao ốc Hữu Liên Á Châu có mục tiêu chính là cung cấp các diện tích văn phòng, dịch vụ thương mại rộng rãi, tiện nghi; các căn hộ gia đình có tiện ích sinh hoạt tiêu chuẩn cao; và giá thành rẻ hơn so với khu vực trung tâm.

Địa điểm và quy mô xây dựng: Dự án được xây dựng trên khu đất quy hoạch có tổng diện tích 60.269 m² thuộc khu dân cư Bắc Trần Đại Nghĩa tại phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.

Tổng mức vốn đầu tư dự kiến của dự án: 2.877.731.461.301 đồng

Sản phẩm và phương thức kinh doanh: sản phẩm của dự án bao gồm khu căn hộ, khu thương mại, khu du lịch giải trí, khu nhà hàng, khu giải khát, trường mầm non, khu văn phòng làm việc... Trong đó căn hộ, văn phòng, và khu thương mại là các sản phẩm chính để khai thác của dự án

- Căn hộ: bán cho khách hàng sau khi đã hoàn thành phần tô trát, kèm các thiết bị điện nước, thông gió, line điện thoại, không bao gồm các trang thiết bị nội thất theo kèm căn hộ.
- Trung tâm thương mại dịch vụ và văn phòng làm việc: là các sản phẩm thô đã xong phần tô trát, kèm hệ thống cửa, các hệ thống điện, điện thoại, điều hòa không khí.

Hiệu quả của dự án:

Chỉ tiêu	Giá trị
Thời gian thu hồi vốn (PP)	6 năm 3 tháng
Giá trị hiện tại thuần (NPV)	420 tỷ đồng



Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR)	20,78%
-------------------------------	--------

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VỐN

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên được thể hiện trong bảng sau:

Bảng: Dự kiến nguồn vốn huy động được từ đợt phát hành

Nội dung phát hành	Số lượng cổ phiếu mới	Giá phát hành (đồng/cổ phần)	Số tiền thu được (đồng)
Cho cổ đông hiện hữu	32.800.000	12.000	393.600.000.000
Cho CBCNV	1.600.000	10.000	16.000.000.000
TỔNG CỘNG	34.400.000		409.600.000.000

Vốn chủ sở hữu tăng thêm được sử dụng như sau:

- Tài trợ cho dự án xây dựng khu phức hợp Hữu Liên Á Châu: 200.000.000.000 đồng
- Đưa vào hoạt động kinh doanh: 209.600.000.000 đồng

Phương án xử lý khi không thu đủ tiền như dự kiến từ đợt chào bán:

Trường hợp không thu đủ tiền như dự kiến từ đợt chào bán, Công ty sẽ sử dụng nguồn tài trợ từ vốn vay để không ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh đã đề ra.



VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN

1. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ERNST & YOUNG VIETNAM

Trụ sở chính : Tầng 8, 2A-4A Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-8) 38 245252 Fax : (84-8) 38245250

Web : www.ey.com

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

Trụ sở chính : 278 Nam Kỳ khởi Nghĩa, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 62 686868 Fax : (84-8) 62 555957

Web : www.sbsc.com.vn



IX. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. **Phụ lục IV:** Điều lệ Công ty
3. **Phụ lục V:** Báo cáo kiểm toán năm 2008, 2009
4. **Phụ lục VI:** Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2010



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 09 năm 2010

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN XẢO CƠ

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN TUẤN NGHIỆP

KHUU KIM HÒA

NGUYỄN THỊ THANH LOAN

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG
SÀI GÒN THƯƠNG TÍN (SBS)**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN HỒ NAM